

Số: 1983 /QĐ-UBND

Giang Thành, ngày 27 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả kỳ xét tuyển viên chức huyện năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Kiên Giang, ban hành Quy định về việc phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện năm 2019 tại Tờ trình số 220/TTr-HĐXTVC ngày 25 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả kỳ xét tuyển viên chức huyện Giang Thành năm 2019 đối với 71 thí sinh tham dự kỳ xét tuyển (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng xét tuyển viên chức huyện năm 2019 có trách nhiệm thông báo kết quả xét tuyển đến các thí sinh tham dự kỳ xét tuyển để biết.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Hội đồng xét tuyển viên chức huyện, Thủ trưởng các ngành có liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- Ban Giám sát;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ngthuan.



Nguyễn Thanh Hà



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ

KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN GIANG THÀNH NĂM 2019

(Theo Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Giang Thành)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Kết quả			Dự kiến kết quả
		Nam	Nữ		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
01	Nguyễn Thị Xuân Ly		1981	V.07.02.06	32.75	5	37.75	
02	Lê Chinh Nhân		1996	V.07.02.06	97.5		97.5	Trúng tuyển
03	Thị Đa Lin		1993	V.07.02.06	84.25	5	89.25	
04	Nguyễn Thị Bạch Liên		1998	V.07.02.06	Vắng		Vắng	
05	Đào Thị Hoài Thương		1998	V.07.02.06	79.25		79.25	
06	Trần Thị Thúy An		1998	V.07.02.06	56.5		56.5	
07	Trần Tài Linh		1998	V.07.02.06	53		53	
08	Võ Thị Hải Yến		1995	V.07.02.06	84		84	Trúng tuyển
09	Trần Thị Giàu		1992	V.07.02.06	26		26	
10	Hồ Thị Oanh		1997	V.07.02.06	Vắng		Vắng	
11	Phù Thị Thùy Linh		1998	V.07.02.06	76.25		76.25	
12	Nguyễn Thị Kiều		1994	V.07.02.06	65.5		65.5	
13	Trần Thị Cẩm Phi		1998	V.07.02.06	82.5		82.5	Trúng tuyển
14	Thị Ngọc Ánh		1998	V.07.02.06	51	5	56	
15	Nguyễn Thu Hiền		1993	V.07.02.06	Vắng		Vắng	
16	Phạm Thị Minh Nguyệt		1991	V.07.02.06	Vắng		Vắng	
17	Danh Ngọc Trang		1996	V.07.02.06	91.5	5	96.5	Trúng tuyển
18	Hứa Thị Thùy Linh		1995	V.07.03.08	64		64	Trúng tuyển
19	Lê Thị Cẩm Thúy		1995	V.07.03.08	58.5		58.5	
20	Tạ Hữu Hải	1996		V.07.03.08	Vắng		Vắng	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Dự kiến kết quả
		Nam	Nữ					
21	Thái Thị Kim Thoa		1996	V.07.03.08	94.25		94.25	Trung tuyển
22	Tà Thị Kim Huôi		1997	V.07.03.08	73		73	
23	Nguyễn Thanh Thảo		1998	V.07.03.08	Vắng		Vắng	
24	Đinh Thị Thanh Tuyển		1997	V.07.03.08	29		29	
25	Nguyễn Thị Thủy Duyệt		1998	V.07.03.08	34		34	
26	Lý Kim Thiet		1998	V.07.03.08	24		24	
27	Nguyễn Thị Thương		1995	V.07.03.08	87		87	
28	Trần Nguyễn Tường Huy		1993	V.07.03.08	76		76	
29	Trịnh Thị Cẩm Lan		1996	V.07.03.08	79.5		79.5	
30	Hà Thị Thanh Hiền		1997	V.07.03.08	51.5		51.5	
31	Huỳnh Kim Ý		1997	V.07.03.08	Vắng		Vắng	
32	Quách Tùng Lâm		1997	V.07.03.08	77.5		77.5	
33	Lý Ngọc Hương		1996	V.07.03.08	83	5	88	
34	Võ Thị Tường Vi		1993	V.07.03.08	64		64	
35	Nguyễn Thị Thủy Sang		1997	V.07.03.08	99		99	
36	Nguyễn Lê Ngọc Dư		1998	V.07.03.08	67.5		67.5	
37	Võ Thị Vàng		1996	V.07.03.08	99		99	Trung tuyển
38	Huỳnh Công Tỉnh		1991	V.07.03.08	36.5		36.5	
39	Lê Thị Mỹ Hạnh		1996	V.07.03.08	Vắng		Vắng	
40	Hoàng Thị Quỳnh Như		1997	V.07.03.08	77.25		77.25	
41	Từ Thị Cẩm Chi		1996	V.07.03.08	Vắng		Vắng	
42	Trần Nguyễn Ngân Tiên		1995	V.07.03.08	85.5		85.5	Trung tuyển
43	Hà Mộng Nhiên		1993	V.07.03.08	68		68	
44	Nguyễn Thị Minh Huệ		1985	V.07.03.08	53.5		53.5	
45	Lâm Thị Kim Hà		1986	V.07.03.08	72		72	
46	Đặng Trần Quốc Hưng		1997	V.07.04.12	89.5		89.5	Trung tuyển
47	Ngô Hoàng Nhân		1997	V.07.04.12	48.25		48.25	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Kết quả			Dự kiến kết quả
		Nam	Nữ		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
48	Nguyễn Thanh Hồng	1998		V.07.04.12	Vắng		Vắng	
49	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		1998	V.07.04.12	61.5		61.5	
50	Trần Hoàng Lâm	1997		V.07.04.12	91.5		91.5	
51	Trần Văn Giá	1996		V.07.04.12	82.5		82.5	
52	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1996	V.07.04.12	95.5		95.5	Trúng tuyển
53	Danh Hoàng Vũ	1996		V.07.04.12	64.5	5	69.5	
54	Trần Phú Vinh	1996		V.07.04.12	Vắng		Vắng	
55	Trần Đức Huy	1992		V.07.04.12	40.5		40.5	
56	Danh Trương	1994		V.07.04.12	Vắng	5	Vắng	
57	Nguyễn Thành Luân	1989		V.07.04.12	88	2.5	90.5	Trúng tuyển
58	Hồ Tú Em	1991		V.07.04.12	83		83	
59	Huỳnh Văn Nhó	1992		V.07.04.12	74		74	
60	Nguyễn Thị Anh Thư		1990	V.07.04.12	71		71	Trúng tuyển
61	Lâm Ngân		1988	V.07.04.12	42		42	
62	Lê Hoàng Khánh	1993		V.07.04.12	85.5		85.5	
63	Đoàn Thanh Hải	1990		V.07.04.12	54.5	5	59.5	
64	Lâm Văn Thông	1990		V.07.04.12	Vắng		Vắng	
65	Hồ Hải Đăng	1990		V.07.04.12	66	2.5	68.5	
66	Danh Tiềm	1990		V.07.04.12	83	5	88	Trúng tuyển
67	Danh Tuấn Vũ	1991		V.07.05.15	81.5	5	86.5	
68	Trần Ngọc Lễ	1993		V.07.05.15	68.5		68.5	
69	Hàng Duy Thanh	1989		V.07.05.15	82		82	
70	Trịnh Hồ Sơn Trường	1996		V.07.05.15	90		90	Trúng tuyển
71	Phạm Thành Nam	1991		V.07.05.15	73		73	Trúng tuyển